
Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2021
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

2. Ông Hà Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Kim The - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện T, tỉnh L

2. Bị đơn: ông Nguyễn Minh Th, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện T, tỉnh L

(Bà T có mặt tại phiên tòa. Ông Th vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Minh Th chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An vào ngày 28/3/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì Ph sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất hòa trong cuộc sống. Nguyên nhân là do ông Th thường xuyên uống rượu, về nhà vô cớ chửi, xúc phạm bà. Mỗi khi vợ chồng cãi vã, ông Th thường sử dụng các công cụ có sẵn trong nhà như dao, kéo, cù móc dằm lúa... để rượt đuổi, dọa đánh bà. Do bà chạy thoát thân nên ông Th chưa gây thương tích cho bà. Bà và ông Th đã ly thân khoảng 08 tháng nay. Nay bà xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: bà và ông Th có 02 con chung tên:

Nguyễn Thị Quế Tr, sinh ngày 12/5/2006

Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 10/10/2013

Khi ly hôn, bà đồng ý giao 02 con chung cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà và ông Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo lời khai tại Tòa án, bị đơn - ông Nguyễn Minh Th trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh L vào ngày 28/3/2008. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Thời gian sau do ông thường xuyên uống rượu nên vợ chồng có cãi vã nhau. Trong khi cãi vã, ông không kìm chế nên đã có những hành vi đối xử với bà T như bà T đã trình bày. Ông và bà T đã ly thân khoảng 08 tháng nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn. Ông đề nghị bà T rút lại đơn ly hôn để vợ chồng hàn gắn tình cảm, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Về con chung: ông và bà T có 02 con chung tên:

Nguyễn Thị Quế Tr, sinh ngày 12/5/2006.

Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 10/10/2013.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn thì ông

đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Quế Tr, sinh ngày 12/5/2006 và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 10/10/2013 cho ông Nguyễn Minh Th được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn Nguyễn Thị T với bị đơn Nguyễn Minh Th là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Minh Th vắng mặt không lý do. Ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Th vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà T và ông Th chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh L nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T và ông Th thì trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau Ph sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Ông Th thường xuyên uống rượu nên vợ chồng thường cãi vã nhau. Mỗi khi cãi vã, ông Th thường sử dụng các vật dụng có sẵn trong nhà để rượt đuổi, dọa đánh bà T. Ngoài mâu thuẫn vợ chồng thì giữa ông Th và cha mẹ bà T, giữa bà T và cha mẹ ông Th cũng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Do có nhiều mâu thuẫn, bất hòa nên bà T và ông Th đã ly thân khoảng 08 tháng nay. Khi ly thân, bà T sinh sống ở nhà cha mẹ ruột tại xã Tân Ninh, còn ông Th và 02 con sống ở nhà riêng của vợ chồng tại xã Tân Thành. Trong thời gian ly thân, bà T và ông Th không có thiện chí và giải pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà T và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T được ly hôn với ông Th.

Về con chung: bà T và ông Th có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quế Tr, sinh ngày 12/5/2006 và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 10/10/2013. Hai con chung hiện nay do ông Th trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T đồng ý giao 02 con chung cho ông Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, theo lời khai của ông Th tại Tòa án thì ông Th đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra, 02 con chung là Nguyễn Thị Quế Tr và Nguyễn Minh Ph cũng có nguyện vọng sống chung với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận của bà T và ông Th về việc giao 02 con chung cho ông Th được trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: bà T và ông Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà T và ông Th trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh Th.

Về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh Th về việc ông Nguyễn Minh Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên:

Nguyễn Thị Quế Tr, sinh ngày 12/5/2006.

Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 10/10/2013.

Bà Nguyễn Thị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Sau khi ly hôn, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: bà T và ông Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà T và ông Th trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0004763 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang án phí, bà T không phải nộp thêm. Ông Nguyễn Minh Th không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Thẩm phán

Đặng Nguyễn Phương Chi

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Phương Chi